

Số: /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển Hệ thống cảng biển Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 3252/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Thực hiện Thông báo số 346/TB-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Huyền tại cuộc họp nghe báo cáo Kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030 và Đề án chuyển đổi cảng biển, xanh hoá cụm cảng biển Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 6017/SXD-QLGT ngày 05 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 6875/SXD-QLGT ngày 25 tháng 6 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Cụ thể hóa lộ trình phát triển: Chuyển hóa các định hướng chiến lược từ Quy hoạch tổng thể thành danh mục dự án đầu tư cụ thể; xác định rõ quy mô, công năng và phân cấp chức năng cho từng khu bến cảng biển trọng điểm trên địa bàn tỉnh (Khu bến trung chuyển quốc tế Vân Phong, khu bến Cam Ranh, Nha Trang, Cà Ná và các khu bến vệ tinh).

- Tối ưu hóa và huy động nguồn lực: Xây dựng cơ chế phân bổ vốn đầu tư công dẫn dắt; đẩy mạnh thu hút nguồn vốn xã hội hóa (PPP, FDI) vào hạ tầng bến cảng, luồng hàng hải và các khu nước dùng chung.

- Thúc đẩy liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng miền: Phát huy vai trò cửa ngõ ra biển của khu vực Nam Trung Bộ; thiết lập hành lang kinh tế kết nối chặt chẽ với khu vực Tây Nguyên thông qua mạng lưới giao thông đa phương thức (đường quốc lộ, cao tốc và đường sắt hiện đại). Tạo động lực tăng trưởng kinh tế biển cho khu vực.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh và xanh hóa cảng biển: Hiện đại hóa hạ tầng

cảng biển đủ năng lực tiếp nhận tàu trọng tải lớn, tối ưu hóa chuỗi cung ứng logistics để giảm chi phí; đồng thời áp dụng tiêu chuẩn “cảng xanh”, “cảng thông minh” trong đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành.

2. Yêu cầu:

- Tuân thủ pháp lý: Phải phù hợp với Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước cảng biển tỉnh Khánh Hòa được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 30/6/2025 và Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 30/6/2025.

- Đảm bảo tính đồng bộ và kết nối: Yêu cầu hạ tầng cảng biển phải phát triển nhịp nhàng với hạ tầng giao thông kết nối (cao tốc, quốc lộ, đường sắt Thống Nhất, đường sắt tốc độ cao...) và các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Bền vững và an ninh: Kết hợp hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với công tác bảo vệ môi trường biển và bảo tồn các hệ sinh thái bền vững. Trong quá trình hiện đại hóa hạ tầng, việc phát triển kinh tế biển phải luôn gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, giữ vững an ninh, trật tự và an toàn khu vực cảng biển cũng như vùng nước cảng biển theo đúng quy định của pháp luật. Đặc biệt, tại các địa bàn có vị trí chiến lược quân sự quan trọng như khu vực vịnh Cam Ranh, các yêu cầu về quốc phòng, an ninh phải được đặt lên hàng đầu và đảm bảo tuyệt đối. Việc xây dựng một nền kinh tế biển xanh, vững mạnh không chỉ tạo đà phát triển bền vững cho đất nước mà còn góp phần củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, bảo vệ vững chắc toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống.

- Xây dựng lộ trình và phân kỳ đầu tư phù hợp: Xây dựng kế hoạch đầu tư khoa học, phù hợp với nguồn lực trong từng giai đoạn:

+ Giai đoạn 2026-2030: Tập trung nguồn lực triển khai các hạng mục hạ tầng dùng chung và các bến cảng có nhu cầu cấp thiết, đóng vai trò động lực thúc đẩy kinh tế.

+ Tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cảng biển hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn “cảng xanh”, “cảng thông minh” đồng bộ theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu giao thương quốc tế.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Đánh giá khái quát hiện trạng hệ thống cảng biển:

Tính đến năm 2026, hệ thống cảng biển Khánh Hòa được tổ chức quản lý bao gồm 06 khu bến chính: Bắc Vân Phong, Nam Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Chữ và Cà Ná.

Toàn tỉnh hiện có 21 bến cảng với tổng cộng 42 cầu cảng (bao gồm ụ tàu), tổng chiều dài cầu cảng đạt 8.785,5 m. Năng lực tiếp nhận cỡ tàu lớn nhất đạt trọng tải đến 400.000 tấn (tại khu bến Nam Vân Phong) và nhỏ nhất là 2.000 tấn (tại Bến cảng Ninh Chữ).

(Các số liệu chi tiết, cụ thể về khu bến cảng và năng lực thông qua hiện trạng theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Định hướng quy hoạch phát triển đến năm 2030

Bám sát mục tiêu từ các Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 957/QĐ-BXD và Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 30/6/2025, định hướng phát triển đến năm 2030 đối với các khu bến cụ thể như sau:

- Khu bến Bắc Vân Phong: Định hướng tiềm năng phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế; bến container tiếp nhận tàu đến 24.000 TEU, tàu hàng tổng hợp/rời đến 250.000 tấn. Phát triển bến tàu khách du lịch quốc tế Đầm Môn tiếp nhận tàu đến 225.000 GT.

- Khu bến Nam Vân Phong: Phục vụ trực tiếp Khu kinh tế Vân Phong và chân hàng khu vực; tiếp nhận tàu tổng hợp đến 100.000 tấn, tàu hàng rời đến 300.000 tấn, tàu hàng lỏng/khí đến 150.000 tấn và bổ sung bến container trọng tải đến 18.000 TEU.

- Khu bến Nha Trang: Chuyển đổi công năng toàn diện thành bến khách quốc tế, bến du thuyền chuyên dụng đẳng cấp cao, tiếp nhận tàu khách du lịch đến 225.000 GT.

- Khu bến Cam Ranh: Phục vụ phát triển kinh tế vùng liên kết Tây Nguyên; bến tổng hợp, container, hàng rời tiếp nhận tàu đến 70.000 tấn, tàu khách quốc tế đến 225.000 GT gắn chặt với mục tiêu an ninh quốc phòng.

- Bến cảng đặc khu Trường Sa: Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kết nối, âu tàu, trang thiết bị hàng hải phục vụ kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc

phòng.

- Khu bến Cà Ná: Phát triển cảng nước sâu phục vụ xuất nhập khẩu, công nghiệp địa phương; bến tổng hợp, container, hàng rời và hàng lỏng/khí (LNG, xăng dầu) tiếp nhận tàu trọng tải đến 100.000 tấn hoặc lớn hơn.

- Bến cảng Ninh Chữ: Định hướng là bến cảng hành khách, du lịch kết hợp hàng tổng hợp nội địa, tiếp nhận tàu trọng tải đến 2.000 tấn.

(Các số liệu chi tiết định hướng quy hoạch hệ thống cảng biển Khánh Hòa theo Phụ lục 2 đính kèm)

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Phân định trách nhiệm và thu hút nguồn vốn đầu tư

Để tối ưu hóa cấu trúc nguồn vốn, nâng cao tính khả thi và tiến độ triển khai thực hiện, trách nhiệm đầu tư hệ thống hạ tầng cảng biển trên địa bàn tỉnh được phân định rõ ràng như sau:

- Hạ tầng do Nhà nước đầu tư (Vốn ngân sách): Tập trung cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách đầu tư hạ tầng hàng hải công cộng (hệ thống luồng hàng hải, các công trình đèn biển, khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền, kết cấu hạ tầng phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng hải, quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải, tìm kiếm cứu nạn, các công trình phụ trợ) theo lộ trình quy hoạch phát triển cảng biển được phê duyệt, tạo sức lan tỏa và thu hút đầu tư cảng biển và các hạ tầng liên quan tại khu vực.

- Hạ tầng kêu gọi đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP): Áp dụng linh hoạt các loại hợp đồng dự án đối với hệ thống đường giao thông kết nối trực chính từ mạng lưới quốc lộ, cao tốc vào phân khu cảng biển; hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và khu lưu giữ, xử lý chất thải rắn cho toàn bộ khu vực bến cảng hậu cần.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và huy động các nguồn vốn xã hội hóa, vốn doanh nghiệp (FDI, DDI) để đầu tư kết cấu bến cảng, cầu cảng chuyên dùng hoặc tổng hợp, hệ thống kho bãi hậu cần, bãi chứa container (CY), nhà xưởng; mua sắm, lắp đặt hệ thống cầu trục (STS, RTG), thiết bị bốc xếp hiện đại và hạ tầng nền tảng số, công nghệ thông tin dùng riêng nội bộ cảng.

2. Công tác thu hút các nhà đầu tư cảng biển trọng điểm

- Tập trung thu hút các tập đoàn có tiềm lực tài chính mạnh, các nhà khai

thác cảng biển, hãng tàu lớn trong nước và quốc tế tham gia đầu tư, quản lý, khai thác các khu bến cảng trọng điểm của tỉnh. Trong đó, ưu tiên kêu gọi nhà đầu tư chiến lược cho Cảng trung chuyển quốc tế Bắc Vân Phong, bến container tại Nam Vân Phong, các bến cảng tổng hợp và chuyên dụng tại Cam Ranh và Cà Ná. Quá trình lựa chọn và thu hút các nhà đầu tư tại các khu vực nhạy cảm, đặc biệt là hệ thống bến cảng ở các vịnh chiến lược như Cam Ranh bắt buộc phải lồng ghép tiêu chí đánh giá, đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các quy định về quốc phòng, an ninh và toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ.

- Khuyến khích đầu tư theo hình thức liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với đối tác nước ngoài để tiếp nhận chuyển giao công nghệ quản trị cảng hiện đại. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ và trực tiếp đến các quốc gia có ngành hàng hải phát triển mạnh.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư; đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng để sẵn sàng cung cấp quỹ đất sạch, vùng nước sạch cho các nhà đầu tư triển khai dự án. Áp dụng triệt để cải cách hành chính, giải quyết thủ tục đầu tư theo cơ chế "một cửa, tại chỗ" nhằm tối ưu hóa thời gian chuẩn bị dự án cho doanh nghiệp

3. Áp dụng tiêu chí chuyển đổi số, phát triển cảng xanh và cảng thông minh

- Tiêu chí Cảng xanh (Thực hiện cam kết COP26): Bắt buộc tất cả các dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng phải tích hợp đồng bộ hạ tầng cấp điện lưới trung thế cho tàu hàng, tàu khách khi cập bến (nhằm thắt chặt việc tắt máy phát điện diesel phụ trợ); ưu tiên quy hoạch và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời áp mái hệ thống kho bãi); áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp công nghệ để kiểm soát bụi bốc xếp, khí thải phương tiện nội cảng và thu gom triệt để nước thải sinh hoạt, nước súc rửa hầm tàu theo quy chuẩn môi trường biển.

- Hệ sinh thái Cảng thông minh (Smart Port): Triển khai đồng bộ mô hình quản trị cảng hiện đại dựa trên 04 trụ cột cốt lõi:

- + Tự động hóa bốc xếp: Ứng dụng các thiết bị cầu trục điều khiển từ xa, xe tự hành (AGV) tại bãi cảng.

- + Số hóa quản lý: Thiết lập hệ thống kết nối vạn vật (IoT), cảm biến thông minh để phân tích dữ liệu vận hành theo thời gian thực.

- + Tối ưu hóa hiệu suất logistics: Giảm thiểu thời gian lưu kho bãi, giải phóng

tàu nhanh chóng.

+ Phát triển an toàn bền vững: Kiểm soát rủi ro an ninh, an toàn lao động bằng hệ thống quản trị thông minh.

- Đồng bộ dữ liệu Hải quan: Thiết lập và đưa vào vận hành trực dữ liệu dùng chung (LGSP) liên thông, thông suốt giữa Doanh nghiệp cảng - Các hãng tàu quốc tế/nội địa - Cơ quan Hải quan. Hướng tới mục tiêu thông quan điện tử không dùng; ứng dụng hệ thống camera thông minh tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) tự động nhận diện, đối chiếu mã container, số hiệu phương tiện nhằm tối ưu hóa quy trình giải phóng phương tiện vận tải đường bộ.

4. Lộ trình triển khai phân kỳ giai đoạn 2026 – 2030

a) Giai đoạn 2026 - 2027: Khởi động, tháo gỡ điểm nghẽn quy hoạch, hạ tầng đối ngoại và triển khai các dự án động lực

- Về hoàn thiện thể chế, chính sách và khung pháp lý:

+ Khẩn trương hoàn thành công tác lập, thẩm định và phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ logistics đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 để kịp ban hành ngay trong Quý II năm 2026.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung kết nối liên thông với Hải quan và hoàn thiện Đề án chuyển đổi số trong quản lý cảng biển, bến thủy nội địa trong tháng 9 hoặc tháng 10 năm 2026.

+ Hoàn thành việc thẩm định, phê duyệt các quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) làm cơ sở kêu gọi đầu tư và tạo quỹ đất sạch cho các Khu công nghiệp (KCN) vệ tinh phụ cận cảng, gồm: KCN Ninh Xuân 1, KCN Ninh Xuân 2, KCN Ninh Sơn, KCN Xuân Sơn, KCN Nam Cam Ranh, KCN Diên Thọ và KCN Cà Ná (Giai đoạn 2).

+ Nghiên cứu, thiết lập cơ chế tín dụng ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thực hiện chuyển đổi xanh và đổi mới thiết bị trong phân kỳ 2026 – 2027.

- Về bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng bến cảng:

+ Tập trung rà soát quỹ đất, xây dựng phương án giải phóng mặt bằng các địa bàn trọng điểm để tạo quỹ đất sạch và vùng nước sạch bàn giao cho nhà đầu tư.

+ Tập trung các nguồn lực ưu tiên kêu gọi đầu tư và khởi công các dự án mang tính đòn bẩy kinh tế gồm: Bến Cảng trung chuyển quốc tế Bắc Vân Phong

(tiếp nhận tàu container đến 24.000 TEU, tàu hàng tổng hợp/rời đến 250.000 tấn); dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 và Bến số 3 thuộc Cảng Ba Ngòi - Cam Ranh (nâng cấp năng lực tiếp nhận tàu đến 70.000 tấn).

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối đối ngoại: Khai thác hiệu quả cao tốc Bắc - Nam đoạn qua tỉnh; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, Dự án nâng cấp Quốc lộ 26B (vào đầu năm 2027) và Dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam với Quốc lộ 1 và Cảng biển tổng hợp Cà Ná; hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư Cao tốc Nha Trang – Đà Lạt.

b) Giai đoạn 2028 - 2030: Tăng tốc hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đồng bộ hóa hệ sinh thái logistics và hiện đại hóa mô hình quản trị cảng

- Về hoàn thiện kết cấu hạ tầng bến cảng thương mại và du lịch:

+ Kêu gọi đầu tư, xây dựng hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác thương mại toàn diện Cảng hành khách quốc tế Nha Trang (sau khi chuyển đổi công năng toàn diện thành bến khách quốc tế, bến du thuyền chuyên dụng đẳng cấp cao để đón siêu tàu khách đến 225.000 GT).

+ Đưa vào vận hành Cảng hành khách quốc tế Bắc bán đảo Cam Ranh kết hợp bến cảng quốc tế Cam Ranh (tiếp nhận tàu khách đến 225.000 GT gắn chặt với mục tiêu quốc phòng - an ninh).

+ Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác toàn diện Tổ hợp bến cảng nước sâu Cà Ná (Giai đoạn 2), phục vụ bến tổng hợp, container, hàng rời và hàng lỏng/khí (LNG, xăng dầu) tiếp nhận tàu trọng tải lớn đến 100.000 tấn hoặc lớn hơn.

+ Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kết nối, âu tàu, trang thiết bị hàng hải tại Bến cảng đặc khu Trường Sa nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng vững chắc.

- Về hạ tầng công nghiệp và dịch vụ hậu cần logistics liên cảng:

+ Hoàn thiện mạng lưới các trung tâm dịch vụ logistics liên cảng và các cảng cạn (ICD) tại Khu vực Nam Vân Phong và khu vực Cà Ná để tối ưu hóa chuỗi cung ứng, rút ngắn thời gian giải phóng tàu.

+ Tập trung hỗ trợ chủ đầu tư nâng cao tỷ lệ lấp đầy, thu hút dòng vốn thứ cấp vào các KCN trọng điểm đã có mặt bằng sạch như KCN thuộc KKT Vân Phong, KCN Ninh Thủy, KCN Phước Nam, đảm bảo tạo ra nguồn hàng hóa (chân hàng) quy mô lớn, ổn định để xuất nhập khẩu trực tiếp qua hệ thống cảng biển của

tỉnh.

- Về đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phụ trợ phục vụ chuyển đổi xanh:

+ Rà soát, đề xuất đầu tư nâng cấp dứt điểm hệ thống các nhà máy sản xuất nước sạch, hồ điều tiết và mạng lưới truyền tải kết nối đến hàng rào các phân khu bến cảng.

+ Đôn đốc các Doanh nghiệp cảng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bờ (OPS) trung thế tại hệ thống cầu cảng để bắt buộc các tàu hàng, tàu khách tắt máy phát điện diesel phụ trợ khi cập bến; đưa vào khai thác mạng lưới năng lượng tái tạo (điện mặt trời áp mái kho bãi) và nhiên liệu sạch trong hoạt động nội cảng.

- Về nghiệm thu và áp dụng đồng bộ hệ sinh thái cảng thông minh:

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thí điểm thành công mô hình Cảng thông minh (Smart Port) tại các khu bến trọng điểm (ứng dụng cầu trục điều khiển từ xa, xe tự hành AGV, cảm biến thông minh IoT, camera AI nhận diện mã container) trước khi nhân rộng trên toàn tỉnh.

+ Đôn đốc, giám sát các doanh nghiệp cảng biển xây dựng lộ trình nội bộ, thực hiện hoàn thành chuyển đổi xanh, chuyển đổi số đồng bộ trong các năm 2028, 2029, bảo đảm tuân thủ tuyệt đối các quy định và tiêu chuẩn bắt buộc về "Cảng xanh", "Cảng thông minh" áp dụng từ năm 2030 trở đi.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông kết nối

Bám sát Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, UBND tỉnh ưu tiên bố trí vốn đầu tư công dẫn dắt, đẩy nhanh tiến độ và phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng triển khai mạng lưới giao thông đối ngoại kết nối cảng biển:

- Tuyên dọc xương sống: Khai thác tối ưu, đồng bộ hiệu quả toàn tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn qua địa bàn tỉnh (đã thông xe tháng 12/2025); đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình nâng cấp, mở rộng và hoàn chỉnh công năng các nút giao liên thông kết nối từ đường cao tốc trực tiếp đến các trục đường chính vào phân khu bến cảng.

- Các trục dọc kết nối Đông - Tây (Trọng điểm chiến lược):

+ Đẩy nhanh tiến độ thi công để đảm bảo hoàn thành và đưa vào khai thác đồng bộ toàn tuyến Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột vào đầu năm 2027, tạo hành lang hàng hóa thông suốt kết nối vùng nguyên liệu Tây Nguyên xuống hệ

thống cảng biển.

+ Tập trung hoàn thành Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 26B, đảm bảo kết nối kỹ thuật đồng bộ giữa cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột trực tiếp vào khu bến cảng Nam Vân Phong, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng và xe container chuyên dụng.

+ Tập trung hoàn thành Dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam với Quốc lộ 1 và Cảng biển tổng hợp Cà Ná, đảm bảo kết nối kỹ thuật đồng bộ giữa cao tốc Bắc – Nam, Quốc lộ 1 trực tiếp vào bến Cảng biển tổng hợp Cà Ná.

+ Sắp xếp kế hoạch bố trí lộ trình nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư dự án Cao tốc Nha Trang – Đà Lạt trong năm 2026; định hướng hoàn thiện các thủ tục đầu tư để triển khai thi công, phân đấu hoàn thành vào giai đoạn cuối của danh mục quy hoạch (2027 – 2030).

- Mạng lưới đường sắt chuyên dùng hậu cảng:

+ Chủ trì nghiên cứu, khảo sát phương án khôi phục và cải tạo tuyến đường sắt chuyên dùng nối từ cảng biển Cam Ranh đến ga Ngã Ba để kết nối trực tiếp vào mạng lưới đường sắt Thống Nhất.

+ Nghiên cứu quy hoạch hướng tuyến và đầu tư xây dựng tuyến đường sắt chuyên dùng chạy dọc theo hành lang Quốc lộ 26B (chiều dài khoảng 11,10km) phục vụ riêng cho việc gom và giải tỏa hàng hóa tại bến cảng Nam Vân Phong, bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD).

+ Triển khai thực hiện các bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với tuyến đường sắt kết nối từ ga Cà Ná vào phân khu bến cảng Cà Ná nhằm thiết lập mạng lưới vận tải đa phương thức hoàn chỉnh.

2. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phụ trợ đồng bộ (Điện, Cấp nước)

- Hình thức đầu tư: Huy động linh hoạt và đa dạng hóa các nguồn lực, bao gồm: Vốn đầu tư công; vốn tự có của các tổng công ty, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tiện ích thiết yếu (Điện lực, Cấp nước) và nguồn vốn xã hội hóa theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Cụ thể hóa danh mục dự án: Tập trung phân kỳ triển khai đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công suất các nhà máy sản xuất nước sạch và các công trình hồ chứa nước điều tiết theo quy hoạch được duyệt; phát triển đồng bộ mạng lưới đường ống truyền tải nước sạch, trạm biến áp trung/cao thế và hệ thống lưới điện

truyền tải, bảo đảm kết nối sẵn sàng đến ranh giới kỹ thuật của các khu bến cảng biển.

- Về cơ chế bố trí vốn hạ tầng chuyên dụng phục vụ cảng biển và logistics: Cần xem xét, ưu tiên cân đối và xác định tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước phù hợp trong tổng mức đầu tư của hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung để đầu tư trực tiếp cho các hạng mục chuyên dụng kết nối cảng biển và dịch vụ logistics. Phương án tài chính này phải thể hiện rõ vai trò "vốn môi" dẫn dắt của ngân sách nhà nước nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư công, đồng thời tạo động lực kích hoạt, thu hút tối đa nguồn vốn ngoài ngân sách và các nguồn lực xã hội hóa khác thông qua các phương thức đối tác công tư (PPP) hoặc hình thức đầu tư phù hợp.

3. Phát triển các khu công nghiệp, trung tâm logistics tạo nguồn hàng

Chủ động rà soát quy mô đất đai, xác định rõ trạng thái pháp lý của các vùng đất phụ cận cảng biển nhằm tạo mặt bằng sạch, thúc đẩy chuỗi liên kết "Cảng biển - Khu công nghiệp":

- Khu vực đã và đang đầu tư: Tập trung đôn đốc, hỗ trợ chủ đầu tư đẩy nhanh việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nâng cao tỷ lệ lấp đầy thu hút dòng vốn thứ cấp tại các Khu công nghiệp (KCN) trọng điểm thuộc Khu kinh tế Vân Phong, KCN Ninh Thủy, KCN Phước Nam; quyết tâm tạo ra nguồn dòng hàng hóa quy mô lớn lưu thông, xuất nhập khẩu qua hệ thống cảng biển của tỉnh ngay trong năm 2026.

- Khu vực kêu gọi đầu tư mới: Tập trung đẩy nhanh công tác lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000); quyết liệt thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất sạch thu hút nhà đầu tư hạ tầng đối với các KCN: Ninh Xuân 1, Ninh Xuân 2, Ninh Sơn, Xuân Sơn, Nam Cam Ranh, Diên Thọ và KCN Cà Ná (Giai đoạn 2). Định hướng ưu tiên thu hút dòng vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp mũi nhọn, có khối lượng xuất nhập khẩu cơ học lớn như: cơ khí chế tạo, công nghiệp đóng tàu, chế biến chế tạo sâu và năng lượng sạch.

4. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư chiến lược vào hệ thống cảng biển và dịch vụ logistics

- Tích hợp toàn diện danh mục các dự án bến cảng biển (bao gồm cảng tổng hợp, cảng container chuyên dụng), trung tâm logistics và hạ tầng giao thông kết nối phụ cận vào Chương trình xúc tiến đầu tư chính thức hằng năm và trung hạn của tỉnh. hường xuyên cập nhật, số hóa đồng bộ dữ liệu địa chính, quy hoạch xây

dựng và quy hoạch ngành để chủ động cung cấp trực tuyến, minh bạch cho các nhà đầu tư.

- Chuyển dịch từ xúc tiến thụ động sang xúc tiến chủ động, có địa chỉ. Xem xét tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư chuyên đề về "Cảng biển và Chuỗi cung ứng Logistics toàn cầu" tại tỉnh; chủ động tổ chức các đoàn công tác liên ngành tiếp cận trực tiếp các nhà đầu tư chiến lược, các hãng tàu lớn tại các quốc gia mạnh về kinh tế biển (như Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu, Hoa Kỳ...)

- Trường hợp cần thiết, thành lập Tổ công tác do Lãnh đạo UBND tỉnh làm Tổ trưởng nhằm trực tiếp đồng hành, tháo gỡ vướng mắc và hỗ trợ toàn diện cho các nhà đầu tư chiến lược từ giai đoạn khảo sát, nghiên cứu quy hoạch, cấp phép đầu tư cho đến khi triển khai xây dựng, vận hành dự án. Tập trung tối ưu hóa quy trình, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đối với các dự án cảng biển và hạ tầng hậu cần logistics trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch phân khu đảm bảo đồng bộ với quy hoạch đất, vùng nước cảng biển. Thực hiện thẩm định, cấp phép xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, kho bãi cảng biển theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xanh.

- Chủ trì, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu các nền tảng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Xây dựng để đề xuất, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và kết nối thông tin quản lý lĩnh vực Cảng biển, Bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tính đồng bộ, tránh tình trạng đầu tư manh mún, lãng phí.

- Đôn đốc các doanh nghiệp cảng biển đang vận hành chủ động đánh giá hiện trạng, xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, thiết bị theo định hướng cảng xanh, cảng thông minh; nghiên cứu, tham mưu lồng ghép các tiêu chí này thành điều kiện bắt buộc khi lựa chọn, thu hút nhà đầu tư đối với các dự án mới giai đoạn sau năm 2030.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng, các cơ sở đào tạo nghiên cứu xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng đầy đủ yêu cầu vận hành, quản lý chuyên nghiệp của lĩnh vực cảng biển

và logistics hiện đại trong bối cảnh xanh hóa và chuyển đổi số.

- Phối hợp với Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 10, các tổ chức tín dụng rà soát các cơ chế, chính sách để tham mưu cơ chế hỗ trợ lãi suất, tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thực hiện chuyển đổi xanh, đổi mới thiết bị tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Cảng vụ Hàng hải Nha Trang và Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc xây dựng Đề án chuyển đổi số trong quản lý cảng biển, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu phương án xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm khả năng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực với cơ quan Hải quan, doanh nghiệp cảng và hệ thống thông tin quản lý chung của tỉnh; báo cáo đề xuất cụ thể trước ngày 25/7/2026 và hoàn thiện Đề án trong tháng 9 hoặc tháng 10 năm 2026.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp cùng các doanh nghiệp cảng biển khẩn trương rà soát, đánh giá toàn diện nhu cầu sử dụng điện và biểu đồ phụ tải điện tại hệ thống các cảng biển trên địa bàn.

- Kịp thời tham mưu, đề xuất phương án xây dựng hạ tầng cấp điện bờ (OPS) cho tàu hàng, tàu khách và lộ trình phát triển nguồn năng lượng sạch phục vụ hoạt động của hệ thống cảng, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đúng quy định.

- Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành việc xây dựng và trình phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ logistics đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, bảo đảm hoàn thành công tác phê duyệt theo đúng tiến độ.

4. Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa

- Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu, xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi, chi phí thấp phục vụ cho công tác chuyển đổi xanh, đổi mới công nghệ cảng biển.

- Tham mưu trình UBND tỉnh các giải pháp cụ thể nhằm tăng quy mô và hạn

mức nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp trong phân kỳ giai đoạn 2026 - 2027; báo cáo UBND tỉnh trong quý III năm 2026.

5. Sở Tài chính

Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách theo quy định của Luật Đầu tư công, phân cấp nhiệm vụ chi và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, Sở Tài chính rà soát danh mục dự án kêu gọi đầu tư, phương án huy động các nguồn lực xã hội hóa (PPP, FDI) và đề xuất các cơ chế thu hút đầu tư ngoài ngân sách vào KKT Vân Phong và các KCN phụ cận cảng biển.

- Đơn vị đầu mối quản lý toàn diện các dự án cảng biển tại KKT Vân Phong; thực hiện triệt để cơ chế hành chính “một cửa, tại chỗ” nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận quỹ đất và triển khai hạ tầng.

7. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp rà soát các nội dung về cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, danh mục dự án kêu gọi đầu tư và phương án huy động nguồn lực ngoài ngân sách.

- Nghiên cứu, lồng ghép sâu rộng các nội dung xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án cảng biển, dịch vụ logistics và hạ tầng giao thông kết nối phụ cận vào chương trình xúc tiến đầu tư chính thức của tỉnh nhằm đạt hiệu quả thu hút nguồn vốn xã hội hóa cao nhất.

8. Các Doanh nghiệp đầu tư, quản lý và khai thác cảng biển trên địa bàn tỉnh

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng để kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu chính xác về hiện trạng hạ tầng và nhu cầu đầu tư nâng cấp, mở rộng bến cảng.

- Khẩn trương rà soát, gửi văn bản đề xuất nhu cầu phụ tải điện, nhu cầu đầu tư hạ tầng cấp điện bờ OPS và phát triển năng lượng xanh tại khu vực cảng do đơn vị quản lý về Sở Công Thương để tổng hợp.

- Tích cực, chủ động tham gia vào Đề án chuyển đổi cảng biển, xanh hóa cụm cảng biển của tỉnh; tự xây dựng lộ trình, kế hoạch cụ thể của doanh nghiệp để

thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số đồng bộ từ nay đến năm 2028, 2029, đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các tiêu chuẩn, quy định bắt buộc áp dụng từ năm 2030.

9. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu giao khu vực biển, đất đai, tháo gỡ thủ tục bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án hạ tầng cảng, kho bãi hậu cần.

- Thẩm định và quản lý nghiêm ngặt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu xả thải, bảo vệ an toàn sinh thái vùng nước cảng biển

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Kiến tạo chuỗi sản phẩm, dịch vụ cao cấp kết nối các hãng tàu biển quốc tế đón dòng khách từ siêu tàu du lịch quốc tế tại bến cảng Nha Trang, Cam Ranh, kết hợp tối ưu giữa hạ tầng bến cảng du lịch hiện đại với năng lực phát triển ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

11. Lực lượng Vũ trang (Công an, Quân sự, Biên phòng)

- Chủ trì phối hợp bảo đảm tuyệt đối an ninh trật tự, an toàn hàng hải và chủ quyền lãnh thổ tại các vùng nước, khu cảng chiến lược, tạo môi trường đầu tư an toàn, ổn định cho hoạt động hàng hải thương mại.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng tham gia thẩm định các điều kiện về quốc phòng, an ninh trong quy trình lựa chọn, thu hút nhà đầu tư nước ngoài vào các dự án cảng biển tại vịnh Nha Trang, Cam Ranh.

12. Cảng vụ Hàng hải Nha Trang và Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận

Thực thi quản lý chuyên ngành hàng hải, phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng trong việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối dùng chung trong quản lý cảng biển, điều phối an toàn tàu thuyền và ứng phó các sự cố môi trường biển.

13. Ủy ban nhân dân cấp xã vùng phụ cận cảng biển

Chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác tuyên truyền, vận động giải phóng mặt bằng; tăng cường quản lý hành chính, đất đai, kiên quyết xử lý dứt điểm các hành vi lấn chiếm, xây dựng trái phép đón đầu quy hoạch quanh khu vực phát triển cảng biển.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương định kỳ hằng quý, **trước ngày 10 của tháng cuối quý**, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch và các khó khăn, vướng mắc gửi Sở Xây dựng để tổng hợp; Sở Xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 25 của tháng cuối quý**. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh nội dung vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Xây dựng để xem xét, xử lý.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương nghiên cứu, triển khai thực hiện theo lĩnh vực được phân công, đảm bảo mục tiêu đưa địa phương trở thành trung tâm kinh tế biển của cả nước theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
 - Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
 - Công an tỉnh (thực hiện);
 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (thực hiện);
 - Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh (thực hiện);
 - Các Sở, ban, ngành (thực hiện);
 - BQL.KKT&KCN (thực hiện);
 - Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa (thực hiện);
 - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 10 (phối hợp);
 - Cảng vụ Hàng hải Nha Trang (phối hợp);
 - Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận (phối hợp);
 - Ủy ban nhân dân cấp xã (thực hiện);
 - TTCB & CTTĐT (đăng tải);
 - VPUB: LĐVP, KT, XDNĐ;
 - Lưu: VT, HT.
- (Huy – KT)*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nam

PHỤ LỤC 1:

HIỆN TRẠNG CÁC KHU BẾN CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA

(kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày/...../2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên khu bến	Số bến cảng	Số cầu cảng (bao gồm ụ tàu)	Tổng chiều dài cầu cảng (m)	Công suất tiếp nhận cỡ tàu	Ghi chú / Đơn vị quản lý
1	Bắc Vân Phong	02	03	545,0	- Lớn nhất: 70.000 tấn - Nhỏ nhất: 30.000 tấn	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang quản lý
2	Nam Vân Phong	08	16	3.291,5	- Lớn nhất: 400.000 tấn - Nhỏ nhất: 2.000 tấn	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang quản lý
3	Nha Trang	04	06	966,5	- Lớn nhất: 40.000 tấn - Nhỏ nhất: 5.000 tấn	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang quản lý
4	Cam Ranh	05	15	3.419,5	- Lớn nhất: 110.000 tấn - Nhỏ nhất: 2.000 tấn	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang quản lý
5	Ninh Chữ	01	01	210,0	- Tiếp nhận: 2.000 tấn	Chủ yếu phục vụ tàu cá kết hợp tàu hàng chở muối và VLXD
6	Cà Ná	01	01	353,0	- Tiếp nhận: 100.000 tấn	Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận quản lý

PHỤ LỤC 2:

DANH MỤC QUY HOẠCH CHI TIẾT CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2030¹

(kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày/...../2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
-	<i>Bến cảng, cầu cảng chính</i>	<i>35/6.696,8</i>			<i>47/10.235 ÷ 51/11.625</i>		<i>41,2÷63,4</i>	<i>590,02</i>	<i>129,54</i>	
-	<i>Bến cảng, cầu cảng khác</i>	<i>3/858</i>			<i>7/1.985 ÷ 7/1.985</i>			<i>155,06</i>	<i>53,65</i>	
I	KHU BẾN BẮC VÂN PHONG	<i>3/545</i>			<i>7/1.985 ÷ 8/2.345</i>		11,68 ÷ 18,2	67,30	24,89	
+	<i>Bến container, tổng hợp, rời</i>	<i>3/545</i>			<i>6/1.505 ÷ 7/1.865</i>		<i>11,68 ÷ 18,2</i>	<i>38,33</i>	<i>16,24</i>	
+	<i>Bến hành khách</i>				<i>1/480 ÷ 1/480</i>			<i>28,97</i>	<i>8,65</i>	
1	Bến cảng tổng hợp Bắc Vân Phong	2/500	70.000	Cont., TH	5/1.460 ÷ 6/1.820	24.000 TEU; 250.000	11,68 ÷ 18,2	33,33	13,78	

¹ Được phê duyệt tại Quyết định số 957/QĐ-BXD và Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
2	Bến tàu khách du lịch quốc tế Đầm Môn			HK	1/480 ÷ 1/480	225.000 GT		28,97	8,65	
3	Bến cảng Đầm Môn	1/45	30.000	TH (*)	1/45÷1/45	30.000		5,00	2,46	
II	KHU BẾN NAM VÂN PHONG	15/2.751,5			23/4.858,5 ÷ 26/5.888,5		24,0 ÷ 37,4	530,28	65,99	
-	<i>Bến cảng chính</i>	<i>12/1.893,5</i>			<i>16/2.873,5 ÷ 19/3.903,5</i>		<i>24,0 ÷ 37,4</i>	<i>396,52</i>	<i>41,72</i>	
+	<i>Bến tổng hợp, hàng rời</i>	<i>8/1.574</i>			<i>10/1.964 ÷ 13/2.994</i>		<i>14,6÷27,9</i>	<i>294,76</i>	<i>23,14</i>	
+	<i>Bến lỏng/khí</i>	<i>4/319,5</i>			<i>6/909,5 ÷ 6/909,5</i>		<i>8,91 ÷ 9,51</i>	<i>101,76</i>	<i>18,58</i>	
-	<i>Bến cảng khác</i>	<i>3/858</i>			<i>7/1.985 ÷ 7/1.985</i>			<i>133,76</i>	<i>24,26</i>	
1	Bến cảng Hòn Khói	2/220	2.000	TH	2/220 ÷ 2/220	3.000	0,66 ÷ 0,88	6,05	0,60	
2	Bến cảng nhà máy đóng bao,	1/150	3.000	TH (*)	1/150 ÷ 1/150	15.000	0,9 ÷ 1,2	3,49	0,73	

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
	trạm phân phối xi măng Xuân Thành									
3	Bến cảng nhà máy đóng bao, trạm phân phối xi măng Long Sơn	1/180	15.000	TH (*)	1/180 ÷ 1/180	15.000	1,08 ÷ 1,44	3,64	1,19	
4	Bến cảng trạm phân phối xi măng Ninh Thủy	1/206	20.000	TH (*)	1/206 ÷ 1/206	20.000	1,24 ÷ 1,65	5,24	1,26	
5	Bến cảng tổng hợp Nam Vân Phong	2/468	70.000	TH, LK	3/798 ÷ 6/1.828	100.000 TH; 300.000 Rời	6,39 ÷ 18,28	65,95	16,47	Kết hợp tiếp nhận tàu hàng lỏng chở nhựa đường;
6	Bến cảng xăng dầu Nam Vân Phong			LK (*)	2/590 ÷ 2/590	150.000	4,4 ÷ 4,5	9,35	8,75	
7	Bến cảng kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	4/319,5	150.000	LK (*)	4/319,5 ÷ 4/319,5	150.000	4,51 ÷ 5,01	61,14	9,83	
8	Bến cảng nhà máy nhiệt điện	1/350	100.000	TH (*)	1/350 ÷ 1/350	105.000	4,21 ÷	210,28	2,56	

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
	BOT Vân Phong 1						4,21			
9	Bến cảng tro xỉ nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1			TH (*)	1/60 ÷ 1/60	5.000	0,1 ÷ 0,2	0,11	0,33	
10	Bến cảng khác									
10.1	Bến cảng nhà máy đóng tàu Hyundai Việt Nam	3/858	400.000	CK (*)	7/1.985 ÷ 7/1.985	400.000		133,76	24,26	có 02 ụ khô đáp ứng tàu đến 400.000 tấn, cầu nhô cho phép cập 2 bên
III	KHU BẾN NHA TRANG	5/838,8			5/1.023 ÷ 5/1.023		0,05 ÷ 0,06	7,32	23,95	
+	<i>Bến tổng hợp, rời</i>	<i>2/252</i>			<i>2/252 ÷ 2/252</i>		<i>0,05 ÷ 0,06</i>	<i>1,66</i>	<i>0,69</i>	
+	<i>Bến hành khách</i>	<i>3/586,8</i>			<i>3/771 ÷ 3/771</i>			<i>5,66</i>	<i>23,26</i>	Phát triển các cầu cảng du thuyền

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
										khi đủ điều kiện
1	Bến cảng Nha Trang	2/419,3	40.000 tấn giảm tải (TH), 60.870 GT (HK)	HK	3/771 ÷ 3/771	225.000 GT		3,85	6,96	
2	Bến cảng Học viện Hải quân	2/252	5.000	TH (*)	2/252 ÷ 2/252	5.000	0,05 ÷ 0,06	1,66	0,69	
3	Bến cảng công viên bên du thuyền Quốc tế	1/167,5		HK	01 bến du thuyền có số lượng cầu cảng/chiều dài theo đề xuất của nhà đầu tư	7.000 GT		1,81	16,30	Các bến du thuyền phát triển theo năng lực và nhu cầu của nhà đầu tư
4	Bến cảng khác									
4.1	Nhà máy đóng tàu Nha Trang			CK (*)	Phát triển khi có điều kiện					có 01 triển đã bán ụ

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
										5.000 tấn và 01 triệu đờ 400 tấn
IV	KHU BẾN CAM RANH	15/3.419,5			19/4.353,5 ÷ 19/4.353,5		6 ÷ 7,72	140,18	68,37	
-	<i>Bến cảng container, tổng hợp, rời</i>	5/784,5			6/939,5 ÷ 6/939,5		5 ÷ 6,22	55,23	6,79	
-	<i>Bến lồng/khi</i>	3/458			5/817 ÷ 5/817		1 ÷ 1,5	40,63	11,15	
-	<i>Bến hành khách</i>	7/2.177			8/2.597 ÷ 8/2.597			23,02	21,04	Kết hợp hàng tổng hợp, hàng lồng và phát triển các cầu cảng du thuyền khi đủ điều kiện
1	Bến cảng Ba Ngòi	4/ 604,5	50.000	Cont., TH	5/759,5 ÷ 5/759,5	70.000	4,28 ÷ 4,78	45,45	4,80	

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
2	Bến cảng xăng dầu K662	2/ 338	10.000	LK (*)	2/338 ÷ 2/338	10.000	0,62 ÷ 0,8	8,78	1,15	
3	Bến cảng xăng dầu Phú Khánh	0/ 0		LK (*)	2/359 ÷ 2/359	10.000	0,3 ÷ 0,6	15,97	5,73	
4	Bến cảng nhà máy xi măng Cam Ranh	1/ 180	5.000	TH (*)	1/180 ÷ 1/180	5.000	0,72 ÷ 1,44	9,78	1,99	
5	Bến cảng LPG Hồng Mộc	1/ 120	2.000 GT	LK (*)	1/120 ÷ 1/120	2.000 GT	0,08 ÷ 0,1	15,88	4,27	Kết hợp tiếp nhận tàu xăng dầu
6	Bến cảng hành khách quốc tế Bắc bán đảo Cam Ranh									
-	Cầu cảng chính			HK	1/420 ÷ 1/420	225.000 GT		1,55	5,52	
-	Cầu cảng khác			HK	số lượng cầu cảng du thuyền/ chiều dài theo đề xuất của nhà đầu tư	7.000 GT		21,30	29,39	Các cầu cảng du thuyền phát triển theo năng lực và nhu cầu của

TT	Tên bến cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài (m)	Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	CẢNG BIỂN KHÁNH HÒA									
										nhà đầu tư
7	Bến cảng quốc tế Cam Ranh	7/2.177	110.000	HK, TH	7/2.177 ÷ 7/2.177	225.000 GT		21,47	15,52	Kết hợp tiếp nhận tàu container, tổng hợp, rời
8	Bến cảng khác									
8.1	<i>Bến cảng Nhà máy đóng tàu Cam Ranh</i>		10.000	CK (*)	<i>Phát triển khi có điều kiện</i>					
V	KHU BẾN ĐẶC KHU TRƯỜNG SA	Phát triển các bến cảng kết nối giữa đất liền và các đảo thuộc đặc khu Trường Sa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện đảo kết hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh								

TT	Tên cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030					Ghi chú
		Số lượng cầu	Cỡ tàu (tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Cỡ tàu (tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích	Diện tích	

		cảng/ Chiều dài			KB thấp ÷ KB cao			vùng đất (ha)	vùng nước (ha)	
	KHU VỰC NAM KHÁNH HÒA									
	TỔNG CỘNG	2/473			6/2.154 ÷ 9/2.464		16,03 ÷ 18,21	127,69	21,35	
-	<i>Bến cảng chính</i>	<i>2/473</i>			<i>6/2.154 ÷ 9/2.464</i>		<i>16,03 ÷ 18,21</i>	<i>127,69</i>	<i>21,35</i>	
-	<i>Bến cảng khác</i>				<i>Bến công vụ phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ hàng hải.</i>					
VI	Khu bến Cà Ná	1/353			6/1.944 ÷ 7/2.254		15,4 ÷ 17,58	125,55	20,91	
-	Bến cảng chính	1/353			6/1.944 ÷ 7/2.254		15,4 ÷ 17,58	125,55	20,91	
+	<i>Bến cảng tổng hợp, hàng rời</i>	<i>1/353</i>	<i>100.000</i>	-	<i>5/1.588 ÷ 5/1.588</i>		<i>14,93 ÷ 16,51</i>	<i>86,33</i>	<i>14,19</i>	
+	<i>Bến cảng lỏng/ khí</i>	<i>0/0</i>	-	-	<i>1/356 ÷ 2/666</i>		<i>1,1 ÷ 1,7</i>	<i>41,35</i>	<i>7,15</i>	
-	<i>Bến cảng khác</i>			CK	<i>Bến công vụ phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ hàng hải.</i>					
1	Bến cảng Quốc tế Trung Nam Cà Ná	1/353	100.000	TH	2/600 ÷ 2/600	100.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	5,4 ÷ 6	47,43	3,86	Kết hợp khai thác hàng container
2	Bến cảng lỏng/khí	0/0	-	LK (*)	1/356 ÷ 2/666	100.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	1,1 ÷ 1,7	41,35	7,15	
3	Bến cảng tổng hợp, hàng rời	0/0	-	TH	3/988 ÷ 3/988	100.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	8,9 ÷ 9,88	36,77	9,90	Kết hợp khai thác hàng container

TT	Tên cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng/ Chiều dài	Cỡ tàu (tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Cỡ tàu (tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
	KHU VỰC NAM KHÁNH HÒA									
4	Bến cảng khác			CK	Bến công vụ phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ hàng hải.					
VII	Bến cảng Ninh Chữ	1/120	-	-	0/210 ÷ 2/210	-	0,63 ÷ 0,63	2,13	0,44	
-	<i>Bến cảng tổng hợp, bến khách, lồng/khí</i>	1/120	-	-	0/210 ÷ 2/210		0,63 ÷ 0,63	2,13	0,44	
1	Bến cảng Ninh Chữ	1/120	1.000	TH, HK	0/210 ÷ 2/210	2.000 tấn	0,63 ÷ 0,63	2,13	0,44	
VIII	Bến cảng, cầu cảng khác, bến phao, khu chuyên tải, khu neo, chò, tránh, trú bão									

Ký hiệu:

+ TH: tổng hợp, rời;

+ LK: lồng/khí;

+ CK: cảng khác;

+ HK: hành khách;

+ Cont.: container;

+ (*): không kinh doanh xếp dỡ.